



Phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh lớp 6 và 7 qua dạy học nói và nghe

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Học viên Cao học K32 chuyên ngành LL&PP DH Văn - Tiếng Việt

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 23/01/2026

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 02/4/2026

Ngày nhận đăng: 07/4/2026

Ngày xuất bản: 20/8/2026

Từ khóa:

Giao tiếp đa phương thức;

Nói và nghe;

Ngữ văn;

Phát triển năng lực;

Lớp 6 và 7.

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu việc phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh lớp 6 và 7 trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trên cơ sở phân tích lý luận về giao tiếp đa phương thức, nghiên cứu xác định khái niệm, cấu trúc và vai trò của năng lực này trong việc nâng cao hiệu quả giao tiếp và học tập của học sinh trung học cơ sở. Đồng thời, bài viết khảo sát yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học nói và nghe trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6 và 7 nhằm làm rõ cơ hội tích hợp phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức trong thực tiễn dạy học. Từ đó, nghiên cứu đề xuất hai nhóm biện pháp chủ yếu: xây dựng học liệu số theo hướng “giản đồ” để hỗ trợ học sinh nhận diện, lựa chọn và phối hợp các phương thức giao tiếp; và vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực nhằm tăng cường thực hành, tương tác và phản hồi theo tiêu chí. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở lý luận và định hướng thực tiễn cho việc tổ chức dạy học nói và nghe theo hướng phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức trong môn Ngữ văn ở trung học cơ sở.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) môn Ngữ văn ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tiếp tục khẳng định định hướng dạy học theo quan điểm giao tiếp với chiến lược “dạy để giao tiếp (GT) và dạy bằng GT” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Chương trình “lấy việc rèn luyện các kỹ năng GT (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b). Việc đặt các kỹ năng giao tiếp vào vị trí trung tâm phản ánh sự chuyển biến quan trọng trong tư tưởng và đường hướng dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực. Từ góc nhìn giáo dục ngôn ngữ và văn học, GT vừa là một kỹ năng vừa là hoạt động giúp người học chuyển tải thông tin, bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc và thiết lập mối liên hệ với thế giới xung quanh.

Trong bối cảnh truyền thông hiện đại, hoạt động giao tiếp ngày càng diễn ra trong môi trường đa dạng về phương tiện biểu đạt. Thông điệp được truyền tải thông qua sự kết hợp của nhiều kênh như lời nói, hình ảnh, âm thanh, ký hiệu hay các yếu tố trực quan khác. Sự thay đổi này đặt ra yêu cầu mở rộng cách tiếp cận đối với hoạt động giao tiếp trong dạy học Ngữ văn, hướng tới việc chú ý nhiều hơn đến các hình thức giao tiếp mang tính đa phương thức.

Trong các mạch kiến thức tiếng Việt được xác lập trong CT Ngữ văn 2018, mạch “Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ” một mặt chú trọng đến các lớp từ đặc thù (như: từ mượn, từ ngữ mới và nghĩa mới của từ ngữ, các biến thể ngôn ngữ phân biệt theo phạm vi địa phương, xã hội, chức năng), mặt khác đề cập đến sự hiện diện của “văn bản đa phương thức” (ngôn ngữ trong sự kết hợp với hình ảnh, ký hiệu, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...) như một biến thể của GT ngôn ngữ. Khái niệm này đồng thời gợi mở cách tiếp cận về năng lực GT đa phương thức. GT đa phương thức (Multimodal Communication) huy động sự tham gia của nhiều

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

Địa chỉ e-mail: myhanhvan2c@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.120.2026>

phương tiện biểu đạt như ngôn ngữ lời nói, ngôn ngữ ký hiệu và các hình thức giao tiếp tăng cường hoặc thay thế khác. Trong CTGDPT 2018, GT đa phương thức được định hướng như một yếu tố cần được tích hợp trong các hoạt động rèn luyện kỹ năng và đặc biệt được thể hiện rõ trong hoạt động nói và nghe.

Từ định hướng của chương trình có thể thấy rằng giao tiếp đa phương thức đã trở thành một nội dung cần được chú ý trong quá trình tổ chức dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. GT đa phương thức được xác lập bởi việc “sử dụng nhiều phương tiện khác nhau, không chỉ phương tiện ngôn ngữ mà cả phương tiện GT phi ngôn ngữ” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b). Từ cấp tiểu học, HS đã thực hành nói và nghe gắn với các yêu cầu cần đạt về GT đa phương thức như sử dụng ánh mắt để tương tác, kết hợp lời kể với điệu bộ thể hiện cảm xúc, hoặc sử dụng tranh ảnh, sơ đồ để hỗ trợ trình bày. Lên lớp 6 và lớp 7, năng lực GT đa phương thức tiếp tục được rèn luyện thông qua các hoạt động kể chuyện, trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống hay tham gia thảo luận.

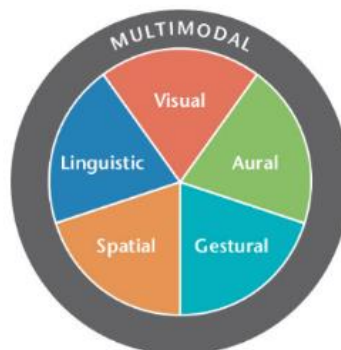
Tuy nhiên, thực tế tổ chức dạy học nói và nghe trong những năm đầu thực hiện CTGDPT 2018 cho thấy việc phát triển năng lực GT đa phương thức trong lớp học Ngữ văn chưa được chú ý đầy đủ. Trong nhiều trường hợp, hoạt động nói của HS vẫn chủ yếu dựa vào lời nói đơn thuần, ít có sự kết hợp với các phương tiện hỗ trợ hoặc các yếu tố phi ngôn ngữ. HS còn gặp khó khăn khi lựa chọn hình ảnh, số liệu, sơ đồ để minh họa cho nội dung trình bày cũng như khi sử dụng ánh mắt, cử chỉ hay giọng điệu nhằm tăng hiệu quả biểu đạt. Trong khi đó, khả năng “sử dụng các phương tiện GT phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ” lại được xem là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá chất lượng nói và nghe của HS phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b).

Từ những yêu cầu của CTGDPT 2018 và thực tiễn dạy học hiện nay có thể thấy rằng việc phát triển năng lực GT đa phương thức cho HS lớp 6 và 7 trong DH nói và nghe môn Ngữ văn là một vấn đề cần được quan tâm cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về năng lực GT đa phương thức, đồng thời đề xuất các định hướng và biện pháp nhằm phát triển năng lực này cho HS lớp 6 và 7 trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Năng lực giao tiếp đa phương thức và định hướng phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh lớp 6 và 7

Năng lực giao tiếp (GT) đa phương thức ngày càng được coi trọng trong giáo dục hiện đại. Chương trình giáo dục phổ thông của nhiều quốc gia đã xác định năng lực này là một năng lực cốt lõi của công dân thế kỷ XXI. Năng lực GT đa phương thức được hiểu là khả năng của chủ thể giao tiếp trong việc nhận biết, lựa chọn, huy động và phối hợp có ý thức nhiều phương thức ký hiệu khác nhau (ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ, bố cục không gian,...) để tiếp nhận, kiến tạo và biểu đạt ý nghĩa phù hợp với mục đích, đối tượng và bối cảnh giao tiếp. Theo quan điểm của Kress (2010) và các nghiên cứu về “đa chữ viết” của New London Group, ý nghĩa của thông điệp trong môi trường truyền thông hiện đại được kiến tạo từ sự phối hợp của nhiều “mode” hay kênh biểu đạt khác nhau. Dựa trên các khung lý thuyết của New London Group, Kress và các nghiên cứu khác (Kress, 2010), có thể phân loại năng lực GT đa phương thức thành các nhóm năng lực bộ phận tương ứng với từng kênh ký hiệu chính.



Hình 1. Năm thành tố GT đa phương thức.

Xét trong bối cảnh DH Ngữ văn ở cấp trung học cơ sở, năng lực GT đa phương thức trước hết gắn chặt với hai hoạt động trung tâm là nói và nghe. Vì vậy, có thể xem năng lực GT đa phương thức của HS lớp 6 và 7 gồm hai nhóm thành tố cơ bản: i) Năng lực thiết kế và trình bày sản phẩm nói đa phương thức (biết sử dụng lời nói, giọng điệu, nét mặt, cử chỉ, hình ảnh, kênh số... để kể chuyện, thuyết trình, tranh luận một cách thuyết phục); ii) Năng lực tiếp nhận và phản hồi trong môi trường GT đa phương thức (biết lắng nghe, quan sát, giải

mã thông tin qua nhiều kênh, đặt câu hỏi, đánh giá và phản hồi phù hợp).

Xét trong tương quan với hệ thống năng lực của HS, năng lực GT đa phương thức giữ vai trò như một “cầu nối” giữa năng lực ngôn ngữ với các năng lực chung khác. Khi được rèn luyện khả năng nhận biết, lựa chọn và phối hợp các phương thức biểu đạt (ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ, không gian), HS không chỉ nâng cao độ chính xác, mạch lạc và sức biểu cảm của lời nói, lời viết mà còn phát triển năng lực thẩm mỹ, năng lực sáng tạo và năng lực số. Các công trình về “đa chữ viết” cho thấy việc tổ chức cho người học kiến tạo nghĩa bằng nhiều “mode” khác nhau khuyến khích tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự điều chỉnh trong quá trình học tập (Kress, 2010). Trong nghiên cứu về năng lực GT đa phương thức, Royce và Coccetta đều nhấn mạnh rằng người học ngoại ngữ cần hình thành một “siêu ngôn ngữ” (metalanguage) để có thể ý thức và bình luận cách các nguồn lực ký hiệu được huy động trong văn bản (Coccetta, 2018). Ở HS trung học cơ sở, quá trình lựa chọn tư liệu, thiết kế cách trình bày, điều chỉnh giọng điệu, ngôn ngữ cơ thể, bố cục khi tham gia hoạt động nói - nghe chính là cơ hội để các em vận dụng và phát triển những năng lực nói trên trong những tình huống học tập cụ thể.

Bên cạnh đó, năng lực GT đa phương thức còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc học tập các môn học trong nhà trường. Trong thực tế học tập hiện nay, học sinh thường xuyên tiếp cận các tài liệu và hoạt động học tập mang tính đa phương thức như bài giảng điện tử, video, sơ đồ, biểu đồ hay infographic (Jewitt, 2003). Nếu chỉ có năng lực giao tiếp ngôn ngữ ở dạng đơn phương thức, học sinh sẽ gặp khó khăn khi giải mã các văn bản có cấu trúc phức hợp hoặc khi trình bày kết quả học tập dưới dạng sản phẩm đa phương tiện. Ngược lại, khi được phát triển năng lực GT đa phương thức, học sinh có thể tiếp nhận và tổ chức thông tin hiệu quả hơn, qua đó nâng cao chất lượng học tập trong nhiều môn học.

Ở bình diện rộng hơn, năng lực GT đa phương thức còn là điều kiện quan trọng để học sinh thích ứng với môi trường giao tiếp của xã hội số. Trong đời sống truyền thông hiện nay, các thông điệp trên mạng xã hội, nền tảng video hay trò chơi trực tuyến thường được kiến tạo từ sự kết hợp giữa chữ viết, hình ảnh, âm thanh và các biểu tượng. UNESCO (2013) cũng nhấn mạnh vai trò của năng lực thông tin – truyền thông và năng lực số trong việc hình thành công dân thế kỷ XXI. Vì vậy, việc phát triển năng lực GT đa phương thức giúp học sinh không chỉ tiếp nhận thông tin một cách có chọn lọc mà còn biết sử dụng các phương tiện biểu đạt một cách có trách nhiệm và phù hợp trong môi trường số.

Đối với môn Ngữ văn ở lớp 6 và 7, hoạt động nói và nghe là môi trường thuận lợi để năng lực GT đa phương thức được hình thành và phát triển một cách có chủ đích. Các nghiên cứu trong và ngoài nước về DH văn bản đa phương thức đều cho thấy việc cho HS tham gia các hoạt động trình bày, thảo luận, kể chuyện, thuyết trình có kết hợp lời nói với giọng điệu, ánh mắt, điệu bộ, tranh ảnh, sơ đồ, phương tiện trình chiếu giúp tăng đáng kể hứng thú, mức độ tham gia và chất lượng diễn đạt của các em. HS không chỉ được rèn luyện kỹ năng nói và nghe theo nghĩa truyền thông mà còn học cách lắng nghe tích cực, “đọc” được thông điệp qua các dấu hiệu phi ngôn từ và học cách thiết kế thông điệp của chính mình trong không gian lớp học. Có thể khẳng định rằng, phát triển năng lực GT đa phương thức cho HS lớp 6 và 7 trong DH nói và nghe Ngữ văn vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực vừa góp phần chuẩn bị cho HS những năng lực GT thiết yếu để học tập suốt đời và hội nhập hiệu quả trong xã hội số.

Từ những cơ sở trên, việc phát triển năng lực GT đa phương thức cho học sinh lớp 6 và 7 cần được xác định như một mục tiêu quan trọng trong dạy học nói và nghe môn Ngữ văn. Trên cơ sở phân tích lý luận và yêu cầu của Chương trình Ngữ văn 2018, có thể khái quát một số định hướng cơ bản cho việc phát triển năng lực này: (1) tích hợp hoạt động nói và nghe với đọc và viết, gắn với ngữ cảnh và chủ đề bài học; (2) tổ chức dạy học theo quy trình nói và nghe cụ thể, coi việc phát triển năng lực GT đa phương thức là một quá trình có chủ đích; (3) đảm bảo việc tích hợp đa phương thức phù hợp với đặc điểm từng kiểu bài; (4) gắn việc phát triển năng lực GT đa phương thức với việc sử dụng học liệu số và không gian học tập mở, đồng thời bảo đảm các chuẩn mực giao tiếp nhân văn và thẩm mỹ trong môi trường đa phương thức.

Các định hướng nêu trên đóng vai trò quan trọng giúp cho việc phát triển năng lực GT đa phương thức trong DH nói và nghe lớp 6 và 7 đi đúng mục tiêu, tránh sa vào tính hình thức. Hệ định hướng này bảo đảm tính mục tiêu và tính nhất quán sự phạm, bởi năng lực đa phương thức được hình thành trên nền GT có mục đích, có ngữ cảnh và có yêu cầu đánh giá rõ ràng. Đồng thời, các định hướng góp phần phát triển năng lực thực chất, trong đó HS biết lựa chọn và phối hợp phương thức biểu đạt để tăng hiệu quả truyền đạt và tương tác. Ngoài ra, các định hướng tạo điều kiện nâng cao tính khả thi và hiệu quả đối với lứa tuổi 11-13, khi HS được hỗ trợ theo tiến trình, có cơ hội luyện tập, điều chỉnh và phát triển dần mức độ phức tạp của hoạt động GT. Cuối cùng, các định hướng khẳng định yêu cầu trách nhiệm và chuẩn mực trong môi trường đa phương thức, góp phần hình thành thói quen GT nhân văn, thẩm mỹ và an toàn, từ đó bảo đảm năng lực GT đa phương thức của HS phát triển bền vững.

2.2. Yêu cầu, nội dung dạy học nói nghe trong môn Ngữ văn lớp 6 và 7

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, dạy học Ngữ văn ở cấp trung học cơ sở hướng tới việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh thông qua bốn hoạt động cơ bản: đọc, viết, nói và nghe. Trong đó, nói và nghe giữ vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh trình bày, trao đổi và tương tác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Các yêu cầu cần đạt đối với hoạt động nói và nghe không chỉ tập trung vào việc sử dụng ngôn ngữ lời nói mà còn nhấn mạnh việc kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ và phương tiện hỗ trợ nhằm tăng hiệu quả biểu đạt.

Các yêu cầu cần đạt về kỹ năng nói và nghe trong môn Ngữ văn lớp 6 và 7 được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Yêu cầu cần đạt về KN nói và nghe trong môn Ngữ văn 6 và 7

Khối Kỹ năng	Lớp 6	Lớp 7
Nói	- Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. - Kể được một truyền thuyết hoặc cổ tích một cách sinh động, biết sử dụng các yếu tố hoang đường, kỳ ảo để tăng tính hấp dẫn trong khi kể. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.	- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lý lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. - Biết kể một truyện cười. Biết sử dụng và thường thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe. Có thái độ phù hợp đối với những câu chuyện vui. - Giải thích được quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.
Nghe	Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác	Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.
Nói nghe tương tác	Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận	- Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi; xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

Từ các yêu cầu trong bảng 1 có thể nhận thấy đường phát triển năng lực nói và nghe từ lớp 6 đến lớp 7 theo hướng tăng dần mức độ phức tạp của hoạt động giao tiếp. Nếu ở lớp 6 các nhiệm vụ giao tiếp chủ yếu gắn với việc kể lại và chia sẻ ý kiến cá nhân trong những tình huống quen thuộc thì ở lớp 7 học sinh cần trình bày ý kiến có lý lẽ, tham gia thảo luận và phản hồi quan điểm của người khác. Sự phát triển này cho thấy yêu cầu giao tiếp chuyển từ mức trình bày đơn giản sang mức lập luận và tương tác cao hơn.

Sự thay đổi này cũng phản ánh mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học nói – nghe trong chương trình. Các nhiệm vụ như kể lại trải nghiệm, trình bày ý kiến, giải thích quy tắc hay tham gia thảo luận đều đặt học sinh vào những tình huống giao tiếp cụ thể, trong đó các em cần tổ chức thông tin, lựa chọn cách diễn đạt và phối hợp các phương thức biểu đạt để truyền đạt thông điệp một cách rõ ràng và thuyết phục. Chính đặc điểm này tạo ra những điều kiện thuận lợi để tích hợp việc phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức trong quá trình dạy học.

Xét dưới góc độ phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức, nội dung dạy học nói và nghe trong chương trình Ngữ văn lớp 6 và lớp 7 mở ra nhiều cơ hội để học sinh vận dụng và phối hợp các kênh biểu đạt khác nhau. Khi kể chuyện hoặc trình bày ý kiến, học sinh có thể kết hợp lời nói với giọng điệu, nét mặt, cử chỉ hoặc hình ảnh minh họa để tăng sức biểu cảm của thông điệp. Trong các hoạt động thảo luận, học sinh cần lắng nghe, quan sát và phản hồi dựa trên nhiều tín hiệu giao tiếp khác nhau. Như vậy, yêu cầu cần đạt về nói và nghe trong chương trình thực chất đã tạo ra nền tảng để hình thành và phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh.

Tuy nhiên, việc phân tích nội dung dạy học cũng cho thấy năng lực giao tiếp đa phương thức chưa được xác định trực tiếp như một mục tiêu riêng trong các bài học nói và nghe. Các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ hoặc phương tiện hỗ trợ thường được đặt ra như những kỹ năng bổ trợ cho hoạt động nói. Điều này đặt ra yêu cầu đối với giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học cần chủ động thiết kế các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động học tập phù hợp nhằm giúp học sinh phối hợp hiệu quả các phương thức biểu đạt trong giao tiếp.

Từ góc nhìn phương pháp dạy học, việc phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức cần gắn với các hình thức tổ chức hoạt động như thuyết trình có sử dụng phương tiện trực quan, thảo luận nhóm, trình bày kết quả

học tập bằng sơ đồ, poster hoặc bài trình chiếu. Những phương pháp này tạo điều kiện để học sinh vận dụng đồng thời lời nói, hình ảnh và các yếu tố phi ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp. Nhờ đó, các yêu cầu về nói và nghe trong chương trình không chỉ giúp học sinh rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng lời nói mà còn góp phần phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức trong môi trường học tập hiện đại.

2.3. Biện pháp phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức trong dạy học nói và nghe lớp 6 và 7

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng biện pháp

Các biện pháp giúp HS phát triển năng lực GT đa phương thức trong dạy và học nói và nghe lớp 6 và 7 cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

* *Đảm bảo đặc trưng hoạt động rèn KN nói và nghe trong môn kỹ năng*: Hoạt động nói và nghe cần được diễn ra trong các tình huống GT sống động, có tương tác, có mục đích, có đối tượng, đồng thời đòi hỏi người học vận hành phối hợp các thành tố lời nói và các phương tiện GT phi ngôn ngữ trong quá trình trình bày và tiếp nhận. Vì vậy, khi đề xuất các biện pháp phát triển năng lực GT đa phương thức, nguyên tắc trước hết là tôn trọng đúng đặc trưng của hoạt động rèn luyện KN nói và nghe trong môn học. Theo đó, các biện pháp cần đặt HS vào ngữ cảnh GT chân thật với các vai GT gần gũi với thực tiễn. Nói và nghe là hoạt động mang tính tương tác cao, chịu chi phối bởi mục đích GT, đặc trưng của đối tượng GT (người nói, người nghe), được quy định bởi các chuẩn mực GT học đường và hướng đến hiệu quả truyền đạt.

* *Bám sát mục tiêu phát triển năng lực GT đa phương thức*: Phải bám sát và phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển năng lực GT đa phương thức của HS lớp 6 và 7 đã được xác lập ở CTGDPT 2018 môn Ngữ văn. Theo đó, GT đa phương thức không chỉ là “làm cho giờ học sinh động” mà còn là năng lực nhận biết, lựa chọn, huy động, phối hợp có ý thức các phương thức (lời nói, hình ảnh, âm thanh, cử chỉ, bố cục, không gian, công cụ số,...) để tạo lập, tiếp nhận và tương tác hiệu quả trong tình huống nói và nghe

* *Phát huy tích cực, chủ động của người học*: Các biện pháp phát triển năng lực GT đa phương thức phải được thiết kế theo hướng lấy HS làm chủ thể của hoạt động nói, nghe, tạo điều kiện để các em tham gia tích cực, chủ động lựa chọn cách thức biểu đạt và từng bước tự điều chỉnh trong quá trình GT. Định hướng này phù hợp với bản chất của GT đa phương thức: người học không chỉ “thực hiện yêu cầu” mà còn được trao quyền thiết kế thông điệp bằng những phương thức mà các em quyết định lựa chọn trong những tình huống cụ thể.

* *Đảm bảo tính sáng tạo, hấp dẫn, khoa học, linh hoạt*: Cần đáp ứng đồng thời bốn yêu cầu/tính chất: tính sáng tạo, tính hấp dẫn (tạo động lực và trải nghiệm GT), tính khoa học (có căn cứ, có quy trình, có tiêu chí), tính linh hoạt (khả thi trong điều kiện đa dạng của lớp học và nhà trường).

2.3.2. Hệ thống biện pháp

* *Biện pháp 1: Xây dựng học liệu số về phương tiện giao tiếp đa phương thức*

- Mục đích: Mục đích của việc xây dựng học liệu số về phương tiện GT đa phương thức trong DH nói và nghe ở lớp 6 và 7 là hình thành một hệ học liệu vừa “mẫu hoá” vừa là “giàn đỡ”, giúp HS rèn luyện các KN nhận biết, lựa chọn, phối hợp các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (kèm công cụ hỗ trợ) một cách có ý thức, đồng thời hỗ trợ GV tổ chức hoạt động nói và nghe theo định hướng phát triển năng lực. Biện pháp hướng tới các mục đích cụ thể sau: (1) Cụ thể hóa và trực quan hóa các khái niệm/tri thức về GT đa phương thức để HS dễ nhận diện và hiểu đúng vai trò của phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong hoạt động nói và nghe; khắc phục tình trạng dùng phương tiện theo cảm tính hoặc coi phương tiện chỉ là yếu tố minh hoạ đơn thuần. Học liệu số (video ngắn, infographic, hình ảnh minh hoạ, clip đối chiếu,...) giúp tri thức trừu tượng trở nên dễ tiếp nhận và dễ vận dụng vào nhiệm vụ học tập; (2) Cung cấp hệ thống mẫu (model) và minh chứng tham chiếu cho hoạt động nói, nghe đa phương thức, bao gồm mẫu đạt - chưa đạt và mẫu trước/sau chỉnh sửa; (3) Thiết kế học liệu theo hướng “giao nhiệm vụ rõ ràng” để hỗ trợ luyện tập nói, nghe và nói nghe tương tác trong cũng như ngoài giờ học. Học liệu không chỉ cung cấp tư liệu mà cần tích hợp các công cụ nhiệm vụ (phiếu nghe/khung ghi chép, câu hỏi định hướng, bảng kiểm nghe, nói, gợi ý tương tác,...) nhằm bảo đảm người học tham gia chủ động, tránh tình trạng tiếp cận học liệu theo hướng giải trí hoặc học thụ động; (4) Hỗ trợ GV giảm tải thiết kế và tăng khả năng sử dụng lại thông qua kho học liệu được chuẩn hóa theo modul (thể phương thức, mẫu nhiệm vụ, tư liệu, công cụ phản hồi,...); (5) Tạo nền tảng cho đánh giá năng lực GT đa phương thức một cách hệ thống và theo dõi tiến bộ của HS. Học liệu số sẽ bao gồm công cụ đánh giá như bảng tiêu chí/rubric, phiếu phản hồi, biểu mẫu tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng; đồng thời tuân thủ nguyên tắc thiết kế học liệu đa phương tiện để hạn chế quá tải nhận thức và bảo đảm trách nhiệm số (trích nguồn, bản quyền, quyền riêng tư, chuẩn mực ứng xử khi chia sẻ sản phẩm).

- Quy trình vận dụng:

Bước 1. Phân tích yêu cầu cần đạt, nhu cầu người học và các điều kiện triển khai

• Cách thực hiện:

- Đọc yêu cầu cần đạt về nói và nghe của CT2018 và yêu cầu của bài/kiểu bài trong SGK (kể, trình bày ý

kiến, thảo luận, giới thiệu,...), xác định trọng tâm phương tiện GT đa phương thức cần rèn: phương tiện ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc, lập luận, liên kết); phương tiện phi ngôn ngữ/công cụ hỗ trợ (giọng điệu, ngắt nhịp, ánh mắt, cử chỉ, hình/âm hỗ trợ).

- Phân tích đối tượng: Nền tảng HS (lớp 6 mới làm quen; lớp 7 đã có 1 năm), thói quen làm việc nhóm, mức độ tự tin khi nói, năng lực nghe - ghi chép.

- Rà soát điều kiện: thời lượng, sĩ số, thiết bị (ti vi/máy chiếu/loa), khả năng dùng thiết bị theo nhóm, đường truyền Internet để chọn mức triển khai phù hợp (tối thiểu - trung bình - mở rộng).

• Sản phẩm đầu ra:

- Ma trận mục tiêu: yêu cầu cần đạt - biểu hiện năng lực (nói/nghe/tương tác) - phương tiện cần huy động - minh chứng đánh giá dự kiến.

- Danh mục nhiệm vụ nói và nghe phù hợp và dự kiến thời lượng cho từng khâu (chuẩn bị, thực hành, phản hồi, chỉnh sửa).

Bước 2. Đặc tả học liệu theo nhiệm vụ và thiết kế “giàn đỡ”

• Cách thực hiện:

- Xác định nhiệm vụ trung tâm (đầu ra nói) và nhiệm vụ nghe đi kèm (nghe để ghi chép/tóm tắt/đặt câu hỏi/nhận xét).

- Thiết kế chuỗi hoạt động theo tiến trình trước - trong - sau hoạt động nói; chỉ rõ: người nói chuẩn bị gì, người nghe cần công cụ gì, tương tác diễn ra ở đâu, phản hồi dựa trên tiêu chí nào.

- Thiết kế “giàn đỡ” tối thiểu: thẻ phương thức, mẫu cấu trúc bài nói/kịch bản, phiếu nghe, khung ghi chép, bộ câu hỏi gợi ý, mẫu câu phản hồi lịch sự, bảng kiểm tự rà soát trước khi trình bày.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá đồng bộ với nhiệm vụ: rubric (nói, nghe, nói nghe tương tác) và yêu cầu phản hồi có dẫn chứng.

• Sản phẩm đầu ra:

- Bản đặc tả: mục tiêu, hoạt động, học liệu, minh chứng từng nhiệm vụ.

- Kịch bản học tập (learning script) và bảng phân cảnh (storyboard) sơ bộ cho video/infographic/slide.

- Rubric và biểu mẫu phản hồi (phiếu phản hồi, bảng kiểm).

Bước 3. Sản xuất, đóng gói học liệu và tổ chức kho theo modul

• Cách thực hiện:

- Chọn định dạng phù hợp điều kiện lớp: slide/infographic (trực quan), video ngắn dung lượng nhẹ (mẫu/đối chiếu), audio/podcast (luyện nghe), phiếu số hoặc bản in (nhiệm vụ nghe - phản hồi).

- Biên soạn mẫu và phản mẫu (đạt - chưa đạt) kèm hướng dẫn quan sát; ưu tiên mẫu gần gũi HS trung học cơ sở, thời lượng ngắn, dùng lặp lại được.

- Tổ chức kho theo 5 gói modul: 1. Thẻ phương thức; 2. Mẫu nhiệm vụ theo quy trình; 3. Thư viện mẫu (exemplars); 4. Công cụ hỗ trợ nghe; 5. Rubric và phiếu phản hồi.

- Bảo đảm trách nhiệm số ngay từ khâu sản xuất: trích nguồn tư liệu, tôn trọng bản quyền, tránh nội dung nhạy cảm; quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân khi thu/ghi sản phẩm và quy tắc ứng xử khi chia sẻ/bình luận.

• Sản phẩm đầu ra:

- Bộ học liệu thử nghiệm (phiên bản 1.0) (slide/video/audio/phiếu nhiệm vụ/rubric) có đặt tên thống nhất.

- Thư mục kho học liệu rõ cấu trúc (theo lớp, kiểu bài, gói học liệu) kèm mô tả ngắn cách dùng.

- Phiên bản tối thiểu/offline (bản in hoặc file nhẹ) để bảo đảm công bằng cơ hội tham gia.

Bước 4. Thử nghiệm sư phạm và điều chỉnh theo minh chứng

• Cách thực hiện:

- Dạy thử (pilot) ở một số lớp/nhóm đại diện; triển khai theo kịch bản; ưu tiên tăng thời lượng HS thực hành nói, nghe, nói nghe tương tác.

- Thu minh chứng: quan sát lớp; sản phẩm HS (bản thu/ghi, dàn ý, phiếu nghe, phiếu phản hồi); phản hồi của HS/GV; đối chiếu rubric.

- Ghi nhận vấn đề: học liệu có quá tải không, công cụ nghe có giúp ghi chép không, phản hồi có bám tiêu chí không, thời lượng có đủ cho chỉnh sửa không.

- Điều chỉnh theo minh chứng: rút gọn nội dung/giảm nhiều trình bày, bổ sung giàn đỡ cho lớp 6 (mẫu câu, khung ghi chép), tăng yêu cầu lập luận/phản biện cho lớp 7.

- Sản phẩm đầu ra:
 - Bộ học liệu phiên bản 2.0 đã tinh chỉnh.
 - Nhật ký điều chỉnh (điều chỉnh gì, vì sao, dựa trên minh chứng nào).
 - Bước 5. Chuẩn hoá, tích hợp vào kho dùng chung và hướng dẫn sử dụng
 - Cách thực hiện:
 - Chuẩn hóa nội dung, hình thức, thời lượng, ngôn ngữ và định dạng; thống nhất cách đặt tên file, nhãn theo lớp/kiểu bài/gói học liệu; bổ sung mô tả ngắn “dùng khi nào - dùng thế nào”.
 - Hoàn thiện bộ công cụ đánh giá đi kèm (rubric, bảng kiểm, phiếu phản hồi) và thống nhất cách dùng để hạn chế nhận xét cảm tính.
 - Tích hợp quy tắc an toàn số trong hướng dẫn: trích nguồn, quyền riêng tư, lưu trữ/hủy dữ liệu thu/ghi, chuẩn mực ứng xử số.
 - Thiết lập cơ chế cập nhật: sau mỗi chủ đề/học kỳ bổ sung mẫu mới, thay thế học liệu kém hiệu quả, lưu phiên bản để theo dõi cải tiến.
 - Sản phẩm đầu ra:
 - Kho học liệu số dùng chung (tối thiểu theo 6 gói) và tài liệu hướng dẫn dùng cho GV/HS.
 - Danh mục mẫu sản phẩm thử nghiệm làm minh chứng tính khả thi và khả năng đánh giá.
- Quy trình 5 bước bảo đảm biện pháp xây dựng học liệu số bám sát mục tiêu phát triển năng lực nói và nghe và GT đa phương thức, đồng thời đáp ứng yêu cầu hiện đại (đánh giá theo tiêu chí, kiểm soát tải nhận thức, trách nhiệm số) và phù hợp điều kiện triển khai thực tế ở trung học cơ sở.

Bảng 2. Danh mục mẫu sản phẩm thử nghiệm theo modul

Gói modul	Mẫu sản phẩm (mẫu tối thiểu)	Mô tả ngắn	Mục đích sử dụng	Minh chứng/dữ liệu dự kiến thu thập	Công cụ đánh giá/kèm theo
1. Thẻ phương thức	Bộ thẻ phương thức GT đa phương thức (ngôn ngữ – phi ngôn ngữ – kỹ thuật số)	Thẻ “gọi chọn” cách phối hợp phương thức khi nói/trao đổi (ví dụ: lời nói + cử chỉ; lời nói + hình/âm).	Giúp HS nhận diện - lựa chọn - phối hợp phương thức một cách có chủ đích.	Thẻ lựa chọn của nhóm; ghi chú lý do; bản điều chỉnh sau phản hồi.	Bảng kiểm tự rà soát trước khi trình bày (kèm mục “phương án thay thế”).
2. Mẫu nhiệm vụ theo quy trình	Phiếu nhiệm vụ theo tiến trình (chuẩn bị - trình bày - nghe - phản hồi - chỉnh sửa)	Phiếu “mẫu hoá” các bước thực hiện nhiệm vụ nói - nghe, nêu yêu cầu và sản phẩm ở từng bước.	Tăng thời lượng HS thực hành; đảm bảo “nghe có nhiệm vụ” và có vòng lặp chỉnh sửa.	Phiếu nhiệm vụ đã hoàn thành; dàn ý/kịch bản; bản trình bày lần 1–lần 2.	Bảng tiêu chí nhiệm vụ (nói - nghe - tương tác) + bảng kiểm tiến trình.
3. Thư viện mẫu (exemplars)	Mẫu/Phản mẫu (đạt–chưa đạt) + hướng dẫn quan sát	Bộ ví dụ minh hoạ mức đạt/không đạt và phiếu quan sát để HS rút tiêu chí.	Cho HS “thấy chuẩn”, tránh học theo cảm tính; học từ so sánh và sửa lỗi.	Phiếu quan sát mẫu; ghi chú điểm mạnh/yếu; đề xuất chỉnh sửa.	Bảng tiêu chí quan sát rút gọn (liên kết với bảng tiêu chí đánh giá).
4. Công cụ hỗ trợ nghe (nghe chủ động)	Phiếu nghe/ khung ghi chép + câu hỏi định hướng	Khung ghi chép có cấu trúc 3 phần (ý chính - dẫn chứng - câu hỏi/nhận xét) và biến thể theo kiểu nhiệm vụ.	Bảo đảm “nghe có nhiệm vụ”, nâng chất lượng phản hồi và tương tác.	Phiếu nghe; câu hỏi/nhận xét có dẫn chứng; ghi chú trao đổi nhóm.	Bảng kiểm nghe chủ động (có mục “dẫn chứng”).
5. Bảng tiêu chí & phiếu phản hồi	Bảng tiêu chí (rubric) 3 thành tố + phiếu phản hồi đồng đẳng/tự đánh giá	Bảng tiêu chí mô tả mức độ + phiếu phản hồi theo cấu trúc “điểm mạnh - góp ý - đề xuất sửa”.	Chuẩn hóa đánh giá; tạo lực kéo cho chỉnh sửa và tiến bộ.	Phiếu phản hồi; bản chỉnh sửa; đối chiếu trước/sau.	Bảng tiêu chí chi tiết + hướng dẫn sử dụng + phiếu phản hồi.

Trên cơ sở mục đích và quy trình xây dựng học liệu số theo 5 bước (từ phân tích yêu cầu cần đạt đến thử

thử nghiệm - chuẩn hoá), nội dung này trình bày bộ mẫu sản phẩm thử nghiệm như một hệ “giàn đỡ” có thể sử dụng trực tiếp trong DH nói và nghe Ngữ văn lớp 6 và 7 theo định hướng GT đa phương thức (bảng 2 và hình 2).



Hình 2. Bộ thẻ phương thức.

** Biện pháp 2: Vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực phát triển năng lực giao tiếp đa phương thức*

- Mục đích: biện pháp hướng tới các mục đích sau: (1) Tái cấu trúc giờ nói và nghe theo hướng tăng “mật độ thực hành” và mở rộng cơ hội tham gia cho mọi HS. Thông qua các kỹ thuật DH tích cực (làm việc cặp/nhóm, luân phiên lượt trình bày, trình bày ngắn theo vòng lặp,...), HS được thử nghiệm trong không gian hỗ trợ, giảm e ngại khi nói trước tập thể và gia tăng tính chủ động trong tham gia hoạt động nói và nghe; (2) Phát triển KN nghe tích cực như một năng lực thành tố trong GT. HS được rèn nghe để ghi chép/tóm tắt, nhận diện ý chính và bằng chứng, đặt câu hỏi làm rõ; sản phẩm nghe (phiếu nghe/khung ghi chép/câu hỏi quan sát) trở thành căn cứ cho trao đổi, phản hồi và tự điều chỉnh; (3) Phát triển năng lực nói và nghe tương tác theo chuẩn mực học đường và tinh thần phản biện hợp tác. HS hình thành KN luân phiên lượt lời, phân vai tương tác phù hợp, lắng nghe quan điểm khác biệt, đặt câu hỏi, phản hồi lịch sự và có dẫn chứng; qua đó nâng chất lượng thảo luận, tăng mức độ tham gia và hứng thú trong tương tác; (4) Chuẩn hóa phản hồi và đánh giá quá trình theo tiêu chí/rubric để tạo lực kéo tiến bộ. Hoạt động đánh giá không chỉ nhằm “kết luận đúng - sai” mà định hướng người học biết mình cần cải thiện gì và cải thiện bằng cách nào; phản hồi của GV và bạn học được thực hiện theo tiêu chí rõ ràng, có dẫn chứng, tạo căn cứ cho chỉnh sửa và tái trình bày, đồng thời giúp GV theo dõi tiến bộ và phân hóa hỗ trợ.

- Bảo đảm tính khả thi trong điều kiện triển khai còn phân hoá, đồng thời hình thành thói quen sử dụng tư liệu có trách nhiệm.

- Quy trình áp dụng kỹ thuật DH tích cực:

Quy trình vận dụng kỹ thuật DH tích cực trong DH nói và nghe được đề xuất theo logic “tổ chức - vận hành - phản hồi”, nhấn mạnh các quyết định sư phạm ở khâu tổ chức lớp học (nhóm, vai, lượt lời, nhiệm vụ nghe, chuẩn mực tương tác) để bảo đảm mỗi HS đều có cơ hội thực hành và có căn cứ cải thiện. Quy trình gồm 4 bước (tương ứng chu trình tổ chức hoạt động học), trong đó học liệu số được coi là nguồn lực hỗ trợ và được sử dụng có chọn lọc, không phải mục tiêu của quy trình này.

Bước 1. Đặc tả mục tiêu và điều kiện tổ chức nhiệm vụ nói và nghe

Bước 2. Lựa chọn kỹ thuật theo chức năng tổ chức và thiết kế cơ chế tham gia

Bước 3. Vận hành giờ học theo vòng lặp thực hành - trình bày - nghe có nhiệm vụ - tương tác

Bước 4. Phản hồi - đánh giá theo tiêu chí và lưu vết minh chứng

Chúng tôi thiết kế 1 bài dạy minh hoạ cho biện pháp trên như sau:

• Thông tin cơ bản về bài dạy minh hoạ:

Chúng tôi sử dụng bài nói và nghe có đặc trưng nhiệm vụ khác nhau nhằm minh chứng tính linh hoạt của biện pháp: Bài 9 (lớp 6) hướng đến nhiệm vụ thảo luận: Trọng tâm là hoạt động tương tác, phản hồi và thống nhất phương án chung; vì vậy ưu tiên kỹ thuật tổ chức thảo luận theo vai (Role Cards), vòng tròn thảo luận (Fishbowl), bộ câu hỏi gợi mở/phản biện (Question Stems), và đánh giá đồng đẳng có hướng dẫn (bảng 3).

Bảng 3. Khung tổ chức bài dạy minh họa lớp 6

Hoạt động (thời lượng)	Mục tiêu GT đa phương thức trọng tâm	Kỹ thuật DH tích cực	Học liệu/Phương tiện	Sản phẩm học tập	Đánh giá - minh chứng
HĐ1. Khởi động (10')	Xác lập vấn đề; nói ngắn gọn bằng chứng trực quan; nghe và ghi ý chính.	Suy nghĩ - Trao đổi cặp đôi - Chia sẻ; Động não.	Đoạn video/ảnh (mã QR) kèm nguồn; phiếu 1 phút.	Phiếu 1 phút; 2-3 ý kiến chia sẻ.	Quan sát tham gia; phiếu 1 phút tiêu biểu.
HĐ2. Chuẩn bị nội dung (20')	Xây dựng giải pháp có lý lẽ/bằng chứng; phân vai và chuẩn mực tương tác.	Mảnh ghép; Thẻ vai.	Hình ảnh, số liệu minh chứng khung lập luận; giấy A0; thẻ vai; mẫu ghi nguồn.	Đề cương giải pháp + bằng chứng có nguồn.	Bảng kiểm chuẩn bị; ảnh sản phẩm nhóm.
HĐ3. Thảo luận lần 1 (25')	Thực hành nói - nghe tương tác; quản trị lượt lời; người nghe có nhiệm vụ.	Vòng tròn thảo luận; Thẻ câu hỏi gợi mở.	Phiếu nghe; thẻ câu hỏi; áp phích/trang trình chiếu tối giản.	Bản thảo trình bày/thảo luận lần 1.	Phiếu nghe; ghi âm/ảnh (nếu có).
HĐ4. Phản hồi - chỉnh sửa (25')	Phản hồi theo tiêu chí; chỉnh sửa nội dung và cách thể hiện đa phương thức.	Đánh giá đồng đẳng theo tiêu chí; Phòng tranh.	Bảng tiêu chí rút gọn; phiếu phản hồi; bảng kiểm tiến trình.	Bản chỉnh sửa (lần 2) + ghi chú sửa.	Bảng tiêu chí/phiếu phản hồi; minh chứng trước - sau.
HĐ5. Vận dụng (10')	Vận dụng vào bối cảnh gần gũi; cam kết hành động và trách nhiệm số.	Phiếu ra về; Chia sẻ nhanh.	Phiếu ra về; hướng dẫn lưu minh chứng (ảnh/QR).	Kế hoạch hành động cá nhân/nhóm (ngắn).	Phiếu ra về; sản phẩm vận dụng.

3. KẾT LUẬN

Bài báo đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển năng lực GT đa phương thức cho HS lớp 6 và 7 trong DH nói và nghe môn Ngữ văn theo định hướng CTGDPT 2018. Kết quả phân tích cho thấy năng lực GT đa phương thức giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giao tiếp, hỗ trợ HS tiếp nhận và tạo lập VB trong môi trường đa kênh, đồng thời góp phần phát triển các năng lực chung và năng lực số của người học. Trên cơ sở khảo sát yêu cầu cần đạt và nội dung DH nói và nghe, nghiên cứu đã chỉ ra những điều kiện thuận lợi để tích hợp phát triển năng lực GT đa phương thức trong thực tiễn DH Ngữ văn ở THCS. Hai nhóm biện pháp được đề xuất, gồm xây dựng học liệu số theo hướng hỗ trợ và vận dụng kỹ thuật DH tích cực, đã thể hiện tính khả thi và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi HS cũng như điều kiện triển khai hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Cocchetta, F. (2018). Developing university students' multimodal communicative competence: Field research into multimodal text studies in English. *System*, 77, 19–27. <https://doi.org/10.1016/j.system.2018.01.004>
- Jewitt, C., & Kress, G. (Eds.). (2003). *Multimodal literacy*. Peter Lang.
- Kress, G. R. (2010). *Multimodality: A social semiotic approach to contemporary communication*. Routledge.
- UNESCO. (2013). *Global media and information literacy assessment framework: Country readiness and competencies*.

Developing multimodal communication competence for Grade 6 and Grade 7 students through speaking and listening instruction

Nguyen Thi My Hanh

*Master's student (Cohort 32), Theory and Methodology of Teaching Literature and Vietnamese
University of Education, Hue University*

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 23 January 2026

Received in revised form: 02 April 2026

Accepted: 07 April 2026

Published: 20 August 2026

Keywords:

Multimodal communication;

Speaking and listening;

Competency development;

Literature;

Grade 6 and 7.

Corresponding author:

Nguyen Thi My Hanh

E-mail address:

myhanhvan2c@gmail.com

ABSTRACT

This paper investigates the development of multimodal communication competence for grade 6 and 7 students through teaching speaking and listening in Literature under the orientation of the 2018 General Education Program. Based on a theoretical analysis of multimodal communication, the study clarifies its concept, structure, and role in enhancing students' communicative effectiveness and learning outcomes at the lower secondary level. In addition, the paper examines the required outcomes and the speaking and listening contents in the grade 6 and 7 Literature curriculum and textbooks to identify opportunities for integrating multimodal communication competence into teaching practice. Accordingly, two main groups of pedagogical measures are proposed: designing digital learning materials as scaffolds to support students in recognizing, selecting, and coordinating communicative modes; and applying active teaching techniques to increase practice, interaction, and criteria-based feedback. The findings contribute to providing both theoretical foundations and practical orientations for organizing speaking and listening instruction toward the development of multimodal communication competence in lower secondary Literature education.
